TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2019
Về việc ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Đời.

2. Bà Đặng Thị Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **T**, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **L**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:* Chị T và anh L cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/7/2013. Anh chị có một người con chung là cháu A, sinh ngày 05/01/2014, giới tính nữ, hiện nay đang sống chung với chị T. Trong thời gian chung sống, anh L không lo làm, thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị T. Hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên năm 2017 anh chị đi làm thuê, nhưng anh L luôn kiếm chuyện, xúc phạm chị T, anh L nhiều lần hứa

sửa đổi nhưng không thực hiện. Đầu năm 2018, anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị T xin được ly hôn với anh L, xin được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; chị T trình bày anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải giải quyết.

** Bị đơn là anh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày tại Tòa. Nhưng tại Tờ tường trình đề ngày 29/3/2019 anh L trình bày (Bút lục 17, 18):* Bản thân anh và gia đình bên anh rất quý và thương gia đình bên vợ, thường xuyên giúp đỡ bên vợ. Trong quá trình chung sống cả anh và chị T đều có hạn chế, khuyết điểm. Hiện nay anh chị có một người con chung, trước đây cháu sống bên nội nhưng ngày 09/02/2019 âm lịch chị T đã rước cháu về nuôi. Anh rất thương vợ, con; hiện nay vợ chồng đã có con chung nên anh không muốn ly hôn.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; đồng thời giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh L nhưng anh L vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh L.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh L và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh L là tranh chấp ly hôn và nuôi con.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2013 chị T và anh L đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn. Theo chị T trình bày là do anh L không lo làm, thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị T; anh L nhiều lần hứa

sửa đổi nhưng không thực hiện. Anh L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử, nhưng anh L đều vắng mặt không lý do. Việc anh L cố tình vắng mặt là đã tự đánh mất cơ hội được hòa giải hàn gắn, cũng như quyền được tranh tụng tại phiên tòa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc; hiện nay anh chị không sống chung với nhau, mỗi người sống một nơi; mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L không muốn ly hôn, nhưng Tòa án nhiều lần triệu tập để hòa giải, động viên cho anh chị hàn gắn nhưng anh đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có một người con chung là A, sinh ngày 05/01/2014, giới tính nữ, hiện nay đang sống cùng chị T; chị T xin được quyền nuôi con.

Xét thấy, chị T yêu cầu được nuôi con; anh L trình bày từ nhỏ con anh sống bên nội nên được bên nội yêu thương. Anh L không muốn ly hôn nên không có ý kiến cụ thể về con. Tuy cháu A từng sinh sống chung với gia đình anh L, nhưng hiện tại đang được chị T nuôi dạy tốt, anh L không có ở nhà nuôi dạy cháu. Tòa án đã triệu tập anh L về để hòa giải, đồng thời thỏa thuận việc nuôi con chung nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Chị T và anh L không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét; nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh L. Chị T được ly hôn với anh L.

2- Về con chung: Giao A, sinh ngày 05/01/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000051 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận